

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST  
Ngày: 28/11/2018  
V/v: *Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Ngọc Lâm

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Bùi Trung Thành  
2. Ông Bùi Đăng Thành.

**- Th- ký phiên tòa:**

Ông Nguyễn Thanh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện

**E.**

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Thuận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 28/11/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2018/TLST- DS ngày 12/3/2018 về việc: *Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản* theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXX-ST ngày 29/10/2018 giữa các đ-ong sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Quách Thị A - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Bà Lê Thị B - Sinh năm 1957

Địa chỉ: Thôn C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị Do, bà B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và các tài liệu trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Quách Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị B phải trả bồi thường cho chị tổng số tiền 40.000.000đ giá trị các tài sản gồm: 01 tủ bảo ôn hai ngăn màu trắng trị giá 5.300.000đ, 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1(gồm chăn, ga, gối) trị giá 15.000.000đ/01 bộ, trong tủ bảo ôn có các loại giải khát như: Kem, bia tươi...trị giá 5.000.000đ.

*Tại bản tự khai cũng nh các tài liệu khác chị Quách Thị A trình bày:*

Vào năm 2012 – 2013 chị có vay của bà Lê Thị B, chồng bà B là ông Đỗ Hồng Lực với số tiền 170.000.000đ, lãi suất 5000đ/ngày/1 triệu, số tiền này chị lấy

thành nhiều lần và ghi vào sổ của bà **B**. Trong khi viết giấy nhận nợ chị có thể chấp cho bà **B** 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở và đất nông nghiệp lâu năm của chồng chị, bố chồng và cô họ nhà chị. Do lãi suất quá cao chị không thể trả nổi, bà **B** buộc chị phải viết giấy nhận nợ 03 lần với số tiền lên tới 540.000.000đ trong đó có cả gốc và lãi suất. Do chưa có kinh nghiệm kinh doanh nên chị nợ rất nhiều, hàng bán chậm, nên không có tiền trả lãi và trả gốc cho bà **B**; hàng ngày bà **B** đến chửi mắng, dọa nạt chị nhiều lần. Đến ngày 28/10/2013 bà **B** bắt chị phải viết giấy khất nợ sau 01 tháng nếu không trả được phải chuyển nhà và đất đang ở cho bà ấy. Trong thời gian đó (ngày 02/12/2013) bà **B** đến cửa hàng tạp hóa của chị tuyên bố chị nợ tiền của bà thì tất cả hàng hóa này thành của bà, trong khi đó chỉ mình chị ở nhà, bà **B** cho con rể của bà là anh Bùi Văn Quyết xông vào nhà chị lấy đồ trong cửa hàng của chị, chị có nói gì bà **B** cũng không nghe, khẳng khái là bà lấy đồ. Đồ của nhà chị bà **B** vào lấy một cách tự do, thích gì bà **B** lấy, bà **B** lấy đi của chị: 01 tủ bảo ôn loại to, trong tủ có nhiều loại hàng chị ướp lạnh để bán như: Bia, các loại nước giải khát lạnh nằm trong tủ, 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1 và một số mặt hàng khác có trị giá khoảng 60.000.000đ giá năm 2013. Trong khi sự việc xảy ra chị đã báo cáo Công an Thôn, Công an xã **D** họ đến xem xét lập biên bản nhưng không giải quyết, sau đó chị báo cáo Công an huyện **E** nhưng cuối cùng sự việc không được giải quyết minh bạch. Công an huyện **E** trả lời việc này giải quyết dân sự, thuộc thẩm quyền của Tòa án; chị viết đơn gửi Tòa án thì Tòa án trả lời không có căn cứ, tại Tòa án bà **B** trả lời không lấy.

Sau đó chị tiếp tục viết đơn đề nghị thì Công an huyện **E** đã mời bà **B** đến để làm việc, bà **B** lúc này nhận lấy (tại bản báo cáo số 111/BC CANL ngày 22/3/2016) do Trưởng Công an huyện **E** ký có đoạn (bà **B** khai nhận lấy 1 tủ bảo ôn và hai đệm Sông Hồng).

Với số tài sản mà bà **B** lấy của chị đến nay vẫn chưa được trả lại, một số tài sản khác bà **B** không nhận lấy. Chị tiếp tục làm đơn gửi tới Công an huyện **E**, chị và bà **B** đã đối chứng bà **B** đã nhận lấy của chị 01 tủ bảo ôn và 02 đệm Sông Hồng (theo biên bản làm việc ngày 09/5/2017); ngoài ra bản báo cáo của Trưởng Công an huyện **E** số 111/BC – CANL ngày 22/3/2016 xác định rõ, chứ chị không nói đệm nhỏ mà kết luận của Công an huyện **E** theo lời khai của bà **B**, chị chưa bao giờ thỏa thuận với bà **B** lấy tài sản để trừ nợ tiền vay.

Ngày 27/10/2017 Cơ quan Công an huyện **E** kết luận điều tra không có căn cứ về tội cưỡng đoạt tài sản, nhưng bà **B** và anh Quyết đã lấy tài sản của chị trái phép là không được sự đồng ý của chị vào ngày 02/12/2013 là có căn cứ. Tài sản bà **B** đã lấy của chị gồm: 01 tủ bảo ôn 2 ngăn màu trắng trị giá năm 2013 là 5.300.000đ, 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1 kèm chăn, ga, gối trị giá 15.000.000đ/1 bộ tổng là 30.000.000đ, trong tủ bảo ôn có các loại giải khát như kem, bia tươi ... trị giá 5.000.000đ. Tổng trị giá là 40.300.000đ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị **B** phải bồi thường cho chị bằng tiền mặt là 40.000.000đ.

*Tại bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Lê Thị **B** trình bày:*

Gia đình bà có cho chị Quách Thị A vay số tiền 540.000.000đ vào giữa năm 2013; sáu khi làm ăn thua lỗ gia đình chị A bỏ đi Miền nam làm ăn. Cuối năm 2013 chị A về địa phương gọi cho bà đến để lấy một số thứ để trừ vào tiền lãi vì chị A không có tiền trả tiền lãi suất cho bà trong mấy tháng liền; hai bên có thỏa thuận về một số vật dụng chị A giao cho bà gồm: 01 tủ bảo ôn 02 ngăn trị giá 5.000.000đ và 02 chiếc đệm mút trị giá 250.000đ/1 chiếc, tổng giá trị tài sản là 5.500.000đ. Thời điểm bà lấy tài sản chị A đã nghỉ bán hàng mấy tháng trước nên trong tủ không có kem, bia tươi hay bất cứ thứ gì khác. Về việc chị A kê tài sản như đơn tố cáo là gồm 02 bộ đệm Sông Hồng mỗi bộ trị giá 15.000.000đ và đồ dùng bia tươi, kem....trị giá 5.000.000đ là hoàn toàn không có căn cứ, vì: Thời điểm chị A đưa tủ cho bà chị A đã ngừng hoạt động bán hàng ít nhất 4-5 tháng nên trong tủ không có tài sản gì; về đệm Sông Hồng thì chị Do không phải là đại lý của Công ty chăn ga gối đệm Sông Hồng, nên lâu nay chị A không bán hoặc có mặt hàng của Sông Hồng để bán; Công ty Cổ phần Sông Hồng chỉ sản xuất và tiêu thụ mặt hàng đệm bông ép trong thị trường đệm Việt Nam và chỉ bán đơn lẻ theo từng chiếc chứ không bán theo bộ đệm như chị A báo cáo.

Nay chị A khởi kiện yêu cầu bà phải bồi thường cho chị A số tiền 40.000.000đ, bà không đồng ý vì bà chỉ lấy 01 tủ bảo ôn và 02 chiếc đệm với tổng trị giá 5.500.000đ, số tiền này bà và chị A đã thỏa thuận trừ vào số tiền lãi mà chị A phải trả từ khoản vay 540.000.000đ chị A vay của bà.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:** Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ-ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ-ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 166, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị A: Buộc bà B phải bồi thường cho chị A giá trị tài sản gồm: 01 tủ bảo ôn giá trị 5.000.000đ, 02 chiếc đệm mút giá trị 600.000đ. Tổng giá trị là 5.600.000đ.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị A vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện, bà B vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1]Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

**[2]Xét quan hệ pháp luật tranh chấp:** Tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp quyền sở hữu tài sản giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật điều chỉnh và thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

**[3]Về nội dung:** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị **A** và bà **B** đã thống nhất bà **B** lấy 01 chiếc tủ bảo ôn 02 ngăn màu trắng nhãn hiệu Sanaky trị giá 5.000.000đ, điều này phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị **A**, căn cứ khoản 2 Điều 92 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật và chấp nhận sự thống nhất của các bên về chiếc tủ bảo ôn và giá trị của chiếc tủ.

Nguyên đơn chị **A** nại bà Lê Thị **B** đã lấy của chị 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1 gồm: Đệm, chăn, ga, gối và các tài sản trong tủ bảo ôn; bị đơn bà Lê Thị **B** chỉ thừa nhận có lấy 02 chiếc đệm mút không có nhãn mác và trong chiếc tủ bảo ôn không có tài sản gì. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng không có tài liệu nào thể hiện 02 bộ đệm bà **B** lấy của chị **A** ngày 02/12/2013 là bộ đệm Sông Hồng, số tài sản trong tủ bảo ôn gồm: bia tươi, kem,...Mặt khác, chị **A** cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời nại của mình. Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018: Về số kem, bia tươi,...như chị **A** nại thì Hội đồng xác định hiện nay không còn các tài sản trên. Đối với 02 chiếc đệm thì Hội đồng kiểm tra không phải là 02 chiếc đệm Sông Hồng mà là 02 chiếc đệm mút, không có nhãn mác đang còn sử dụng, kích thước: Chiều dài 1,8m, chiều rộng 1,5m, dày 0,5cm. Do đó không có cơ sở kết luận ngày 02/12/2013 bà **B** lấy của chị **A** 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1 gồm: Đệm, chăn, ga, gối và các tài sản trong chiếc tủ bảo ôn. Như vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **A** là việc bà **B** đã lấy của chị **A** 01 chiếc tủ bảo ôn 02 ngăn màu trắng nhãn hiệu Sanaky, 02 chiếc đệm mút không nhãn mác là tài sản thuộc quyền sở hữu của chị **A**; không chấp nhận yêu cầu của chị **A** về việc bà **B** lấy 02 bộ đệm Sông Hồng loại 1 gồm: Đệm, chăn, ga, gối và các tài sản trong chiếc tủ bảo ôn.

Đối với lời nại của bà Lê Thị **B**: Ngày 02/12/2013 do không có tiền trả nợ cho bà, nên chị **A** gọi bà đến để lấy một số vật dụng, hàng hóa tại cửa hàng của chị **A** để trừ vào tiền lãi, hai bên thỏa thuận để bà lấy 01 tủ bảo ôn(trong tủ không có tài sản gì) và 02 chiếc đệm mút(đệm không có nhãn mác). Xét lời nại của bà **B** thì thấy rằng: Qua các lời khai của bà **B**, những người làm chứng tại Cơ quan điều tra Công an huyện **E** và trong hồ sơ vụ án không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc bà **B** lấy 02 chiếc đệm Sông Hồng loại 1 gồm: Chăn, ga, gối, đệm của chị **A**; mặt khác chị **A** cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời nại của mình, bà **B** cũng không cung cấp được tài liệu nào thể hiện việc bà lấy tài sản của chị **A** để trừ vào tiền lãi suất. Như vậy, chấp nhận một phần lời nại của bà **B** là việc bà lấy của chị **A** 02 chiếc đệm mút, không có nhãn mác, kích thước là: Chiều dài 1,8m, chiều rộng 1,5m, dày 0,5cm; không chấp nhận lời nại của bà **B** về việc giá trị các tài sản đã trừ vào tiền lãi suất chị **A** đang nợ của bà.

Đối với tài sản tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án hai bên đã thống nhất chiếc tủ bảo ôn hai ngăn màu trắng có giá trị là 5.000.000đ, việc thỏa thuận thống nhất của hai bên là hoàn toàn tự nguyện, phù **B** với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Đối với 02 chiếc đệm: Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 11/9/2018, Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ không xác định được trong tủ bảo ôn có những tài sản gì, 02 chiếc đệm thì hiện tại Hội đồng xác định là 02 chiếc đệm mút, không có nhãn mác. Tại Công văn số 886/CV – TCKH ngày 17/10/2018 của Phòng Tài chính – kế hoạch UBND huyện **E**, tỉnh Thanh Hóa kết

luận: 02 chiếc đệm mút không xác định được nhãn mác và chủng loại, vì vậy không đủ điều kiện để định giá. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ: Qua khảo sát trên thị trường tại thời điểm thì 01 chiếc đệm mút không có nhãn mác được bán với giá 300.000đ(02 chiếc là 600.000đ). Như vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của chị **A** buộc bà **B** phải bồi thường cho chị **A** số tiền giá trị tài sản là: 01 tủ bảo ôn hai ngăn màu trắng giá trị 5.000.000đ, 02 chiếc đệm mút không nhãn mác giá trị 600.000đ, tổng giá trị là 5.600.000đ. Không chấp nhận yêu cầu của chị **A** về việc yêu cầu bà **B** phải bồi thường giá trị tài sản là 40.000.000đ – 5.600.000đ = 34.400.000đ.

**[4]Về án phí:** Chị **A** phải chịu án phí DSST đối với phần yêu cầu của chị không được Tòa án chấp nhận là phần giá trị tài sản 34.400.000đ.

Bà **B** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật đối với phần yêu cầu của chị **A** được Tòa án chấp nhận là giá trị tài sản 5.600.000đ.

*Vì các lý trên.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:** Điều 166, 170 BLDS năm 2015; khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015; khoản 1, 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Quách Thị **A**.

2- Xác định 01 chiếc tủ bảo ôn hai ngăn màu trắng nhãn hiệu Sanaky trị giá 5.000.000đ(*Năm triệu đồng*), 02 chiếc đệm mút không có nhãn mác kích thước là: Chiều dài 1,8m, chiều rộng 1,5m, dày 0,5cm có tổng giá trị 600.000đ(*Sáu trăm nghìn đồng*), tổng cộng là 5.600.000đ(*Năm triệu sáu trăm nghìn đồng*) thuộc quyền sở hữu **B** pháp của chị Quách Thị **A**.

Buộc bà Lê Thị **B** phải có nghĩa vụ bồi thường cho chị Quách Thị **A** tiền giá trị tài sản là 5.600.000đ (*Năm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **A** về việc yêu cầu bà **B** phải bồi thường giá trị tài sản là số bia, kem...trong tủ bảo ôn, giá trị của 02 chiếc đệm Sông Hồng loại 1 gồm: Chăn, ga, gối, đệm là 34.400.000đ.

4. Không chấp nhận lời nại của bà **B** về việc giá trị tài sản 01 tủ bảo ôn, 02 chiếc đệm mút đã trừ vào tiền lãi suất mà chị **A** nợ bà **B**.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, chị **A** có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà **B** không thi hành hoặc chậm thi hành khoản tiền trên cho chị **A** thì hàng tháng bà **B** còn phải trả thêm khoản tiền lãi cho chị **A** đối với số tiền bồi thường theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.*

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Quách Thị **A** phải chịu 1.725.000đ(*Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đ(*Một triệu đồng*) chị đã nộp theo biên lai thu tiền số

AA/2015/0003992 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Thanh Hóa. Chị A phải nộp thêm 725.000đ(*Bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

- Bà Lê Thị B phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS ND huyện E;
- Chi cục THA DS huyện E;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Ngọc Lâm**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Lâm**







**Nơi nhận:**

- Các đơn vị sự,
- VKSNDTXSS;
- THA DS TXSS;
- TAND tỉnh TH;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Ngọc Lâm**